

**CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN**  
NINH THUAN STATISTICS OFFICE

**NIÊN GIÁM THỐNG KÊ**  
**TỈNH NINH THUẬN 2018**  
**Ninh Thuan Statistical Yearbook**



**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2019**  
STATISTICAL PUBLISHING HOUSE - 2019

**Chỉ đạo biên soạn:**

NGUYỄN VĂN HƯƠNG

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận

**Tham gia biên soạn:**

PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP  
VÀ CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ  
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN

## **LỜI NÓI ĐẦU**

Niên giám Thống kê là ấn phẩm được Cục Thống kê Ninh Thuận xuất bản hàng năm, bao gồm những số liệu thống kê cơ bản phản ánh khái quát động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận.

Trong Niên giám Thống kê, số liệu đã được hệ thống hóa có kết hợp chỉnh lý và bổ sung thêm những chỉ tiêu mới theo điều tra thống kê, trong đó có một số chỉ tiêu năm 2018 là số liệu ước tính. Các số liệu được thu thập, tính toán theo các phương pháp quy định hiện hành của ngành Thống kê Việt Nam. Trường hợp số liệu có sự thay đổi so với Niên giám Thống kê trước, đề nghị khi nghiên cứu thống nhất sử dụng số liệu trong Niên giám Thống kê này.

Cục Thống kê Ninh Thuận chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp và sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị về nội dung cũng như hình thức đối với ấn phẩm này. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được nhiều ý kiến góp ý để Niên giám Thống kê ngày càng hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê.

**CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN**

## **FOREWORD**

*The Statistical Yearbook, an annual publication by the Ninh Thuan Statistics Office, comprises basic data reflecting the general socio-economic dynamic and situation of local.*

*In this Statistical yearbook, data has been systematized, readjusted and additionally completed from new statistical surveys, of which the data of 2018 are estimates. This data has been collected and calculated in accordance with the methods currently stipulated by Vietnamese Statistical branch. If there are any changes compared with the old one, proposed a unique use data in this book.*

*Ninh Thuan Statistics Office would like to express its sincere thanks to all agencies, organizations for their suggestions as well as criticisms on the content and form of this publication. We hope to receive further comments to improve Statistical Yearbook in the next release and better satisfy the demands of data users.*

**NINHTHUAN STATISTICS OFFICE**

## MỤC LỤC - CONTENTS

Phần <i>Part</i>	Trang <i>Page</i>
Lời nói đầu <i>Foreword</i>	3 4
I Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội năm 2018	7
II Đơn vị hành chính, đất đai và khí hậu <i>Administrative unit, land and climate</i>	19
III Dân số và lao động <i>Population and labour</i>	41
IV Tài khoản quốc gia, ngân sách nhà nước và bảo hiểm <i>National accounts, state budget and insurance</i>	87
V Đầu tư và xây dựng <i>Investment and construction</i>	121
VI Doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở SXKD cá thể <i>Enterprise, cooperative and individual business establishment</i>	153
VII Nông, lâm nghiệp và thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	245
VIII Công nghiệp <i>Industry</i>	327
IX Thương mại và du lịch <i>Trade and tourism</i>	351
X Chỉ số giá <i>Price index</i>	371
XI Vận tải, bưu chính và viễn thông <i>Transport, postal services and telecommunication</i>	397
XII Giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ <i>Education, training and science, technology</i>	417
XIII Y tế, thể thao, mức sống dân cư, trật tự, an toàn xã hội, tư pháp và môi trường <i>Health, sport, living standards, social order, safety, justice and environment</i>	459



## **TỔNG QUAN**

### **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018**

Kinh tế - xã hội năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa ổn định; chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại gia tăng; khoa học công nghệ phát triển nhanh và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Ở trong nước, kế thừa thành tựu hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của ta lớn mạnh hơn nhiều, nhưng vẫn còn những hạn chế, yếu kém tích tụ từ trước; thiên tai, bão lũ gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống tại nhiều địa phương.

Trong tình nền kinh tế có bước khởi sắc, vị thế của tỉnh được nâng lên; Tuy nhiên trong năm khó khăn nổi lên là tình hình hạn hán cục bộ, nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế của tỉnh. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt các ngành và địa phương thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; ban hành kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng các ngành, lĩnh vực. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực và tương đối toàn diện trên nhiều lĩnh vực, cụ thể trên các lĩnh vực trong năm 2018 như sau:

#### **1. Tăng trưởng kinh tế**

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2018 ước tăng 8,03% so với năm 2017; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,6%, đóng góp 1,9 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 14,71%, đóng góp 2,89 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,2%, đóng góp 2,91 điểm phần trăm; thuế sản phẩm tăng 5,59%, đóng góp 0,34 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; trong đó ngành nông nghiệp tăng 0,92% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,15 điểm phần trăm

vào mức tăng trưởng chung; ngành lâm nghiệp tăng 5,42%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản đã khởi sắc tăng khá cao 10,31% (năm 2017 ngành này tăng cao 18,89%), đóng góp 1,73 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng; trong đó ngành công nghiệp tăng 12,02% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 1,46 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung trong đó ngành khai khoáng tăng khá cao 33,12%, đóng góp 0,48 điểm phần trăm; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,83%, đóng góp 1,02 điểm phần trăm; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt... giảm 6,88%, đóng góp -0,1 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 19,09%, đóng góp 1,42 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; vận tải kho bãi tăng 11,19%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,84%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm; hoạt động thông tin và truyền thông tăng 8,92%, đóng góp 0,67 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,54%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; hoạt động giáo dục và đào tạo đạt mức tăng 6,21%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm...

Về cơ cấu kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 35,77%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,28%; khu vực dịch vụ chiếm 38,08%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,87% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2017 là: 36,14%; 19,18%; 38,68%; 6,0%).

+ Kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu USD, tăng 12,3% so với năm 2017.

+ Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2018 tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Dân số trung bình là 611.770 người, tăng 0,79% so với năm 2017.

+ Tỷ lệ tăng tự nhiên 11,27‰, giảm 0,39‰ so cùng kỳ năm 2017.

## **2. Thu, chi ngân sách nhà nước và Bảo hiểm**

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018 ước đạt 4.702,6 tỷ đồng, tăng 34,9% so cùng kỳ; trong đó, thu nội địa đạt 2.464,5 tỷ



đồng, tăng 8,4% so cùng kỳ; thu hải quan đạt 380,3 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 ước đạt 5.624,1 tỷ đồng, tăng 5,2% so cùng kỳ năm 2017, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 2.386,3 tỷ đồng (chiếm 42,4% tổng chi), tăng 113,9%; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính đạt 3.210,6 tỷ đồng (chiếm 57,1%), tăng 10,3%.

Năm 2018, toàn tỉnh có 37,5 nghìn người tham gia Bảo hiểm xã hội, tăng 6,7% so với năm 2017; trong đó có 516,9 nghìn người tham gia Bảo hiểm y tế, giảm 0,3% và 30,8 nghìn người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp, tăng 5,6%. Tổng số thu bảo hiểm năm 2018 đạt 974,6 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm 2017, trong đó: Thu Bảo hiểm xã hội đạt 506,5 tỷ đồng, chiếm 52% tổng số thu bảo hiểm; thu Bảo hiểm y tế đạt 434,6 tỷ đồng, chiếm 44,6%; thu Bảo hiểm thất nghiệp đạt 33,5 tỷ đồng, chiếm 3,4%. Tổng số chi bảo hiểm năm 2018 đạt 1.108,9 tỷ đồng, tăng 13,2% so với năm 2017, trong đó: Chi Bảo hiểm xã hội đạt 513,9 tỷ đồng, chiếm 46,3% tổng số chi bảo hiểm; chi Bảo hiểm y tế đạt 565,1 tỷ đồng, chiếm 51%; chi Bảo hiểm thất nghiệp đạt 29,8 tỷ đồng, chiếm 2,7%.

### **3. Đầu tư**

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2018 (theo giá hiện hành) ước đạt 12.562,5 tỷ đồng, tăng 96,9% so cùng kỳ, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước ước đạt 3.967,7 tỷ đồng chiếm 31,60% trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội và tăng 105,4%; khu vực ngoài nhà nước đạt 5.727,2 tỷ đồng, chiếm 45,6% và tăng 34,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.867,6 tỷ đồng, chiếm 22,8% và tăng 1.395,9%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, năm 2018 có 7 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 316,43 triệu USD, tăng 4 dự án và tăng 15,4% về vốn đăng ký so với năm 2017. Trong các quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Ninh Thuận năm 2018, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với tổng số vốn đạt 209,9 triệu USD chiếm 66,3% tổng vốn đăng ký, tiếp đến là Ấn Độ 101 triệu USD chiếm 31,9%.

#### **4. Chỉ số giá**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2018 tăng 2,57% so với tháng 12 năm trước và tăng 3,63% so với bình quân cùng kỳ; bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,21%.

Chỉ số giá vàng tháng 12 năm 2018 giảm 0,99% so cùng kỳ tháng 12 năm 2017 và bình quân 12 tháng so cùng kỳ tăng 3,09%. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,87% so với cùng kỳ tháng 12 năm 2017 và bình quân 12 tháng so cùng kỳ năm 2017 tăng 1,28%.

#### **5. Hoạt động doanh nghiệp**

Hoạt động doanh nghiệp tiếp tục ổn định, trong năm 2018 có 431 DN thành lập mới/9.750 tỷ đồng, nâng tổng số đến nay có 2.892 DN hoạt động/48.351 tỷ đồng, tăng 9,1% số DN so cuối năm 2017. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường một số lĩnh vực có tỷ lệ tăng cao, như: Xây dựng, kinh doanh bất động sản, tăng 1,78 lần; Tư vấn thiết kế, tăng 2,1 lần; Dịch vụ lưu trú và ăn uống, tăng 28%; Công nghiệp chế biến, tăng 12,5%... Nhìn chung, tình hình hoạt động doanh nghiệp có chuyển biến tích cực, theo kết quả tổng hợp báo cáo tài chính của 487 DN gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong năm 2018, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có lợi nhuận sau thuế chiếm 50,2%, tăng 10% so năm 2017.

Về đầu tư của các loại hình kinh tế: Đã tạo được làn sóng đầu tư mới, thu hút các tập đoàn, tổng công ty lớn, có thương hiệu trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực đột phá, trụ cột về năng lượng tái tạo, du lịch chất lượng cao, kinh doanh bất động sản... Trong năm 2018, số dự án và vốn đăng ký tăng gần gấp đôi so với năm 2017 (quyết định chủ trương đầu tư 62 dự án với tổng vốn đăng ký trên 44 nghìn tỷ đồng; chấp thuận chủ trương 27 dự án/30.500 tỷ đồng), trong đó có một số dự án quy mô lớn đang tích cực triển khai thực hiện.

Số doanh nghiệp thực tế hoạt động tại thời điểm 31/12/2017 là 1.588 doanh nghiệp, tăng 15,2% so với năm 2016, trong đó doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 15,2%; doanh nghiệp nhà nước không tăng giảm; riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 20%.

Lao động làm việc trong toàn bộ khu vực doanh nghiệp tăng 2,2% trong cùng thời điểm trên, trong đó lao động trong khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,4%; lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 25%; lao động trong doanh nghiệp Nhà nước giảm 2,2%.

Vốn sản xuất kinh doanh bình quân của khu vực doanh nghiệp năm 2017 tăng 16,4% so với năm 2016, trong đó vốn của doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 19,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 4,5%; doanh nghiệp Nhà nước tăng 9%.

Năm 2017, doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp đạt 21.207,9 tỷ đồng, tăng 10,5% so với năm 2016, trong đó doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 18.431,5 tỷ đồng, tăng 11,2%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.148,5 tỷ đồng, tăng 1,1%; doanh nghiệp Nhà nước đạt 1.627,9 tỷ đồng, tăng 9,4%.

## **6. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực**

### ***- Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 81.716 ha, giảm 6,1% so năm 2017; trong đó, lúa đạt 42.939 ha, giảm 11,3%; cây ngô và cây lương thực có hạt khác đạt 12.050 ha, giảm 7,9%; cây lấy củ có chất bột đạt 4.754 ha, tăng 50,4%; diện tích cây mía thu hoạch đạt 3.534 ha, tăng 5,1%, cây có hạt chứa dầu đạt 1.135 ha, giảm 6,3%, cây rau đậu hoa cây cảnh đạt 12.824 ha, giảm 4,8%; cây gia vị, dược liệu hàng năm đạt 1.011 ha, tăng 16,9% và cây hàng năm khác đạt 3.388 ha, tăng 7%.

Năng suất lúa cả năm 2018 đạt 56,7 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha so năm 2017, sản lượng lúa cả năm đạt 243,3 nghìn tấn, giảm 8,7% so năm 2017; sản lượng lương thực có hạt đạt 293,382 nghìn tấn, giảm 7,5% so năm 2017. Nguyên nhân giảm diện tích là do về thời tiết, không đảm bảo nước tưới, nhất là vụ mùa, gieo cấy không kịp thời; tuy nhiên bên cạnh đó cây trồng phát triển tốt, ít bị sâu bệnh và hầu hết năng suất các loại cây trồng năm 2018 đều tăng.

Diện tích mô hình sản xuất cánh đồng lớn trong năm 2018 đạt 1.333,6 ha, bằng 93,6% kế hoạch, trong đó: có 10 cánh đồng lớn lúa với diện tích 1.217 ha; 01 cánh đồng lớn ngô giống huyện Ninh Phước với diện tích 80 ha; 01

cánh đồng lớn sản xuất mía tại xã Phước Thắng, huyện Bác Ái với diện tích 25,6 ha và 01 cánh đồng măng tây xanh huyện Ninh Phước với diện tích 11 ha.

Diện tích cây lâu năm hiện có 11.882 ha, tăng 0,6% so năm 2017; nguyên nhân tăng do diện tích trồng mới trong năm nhiều, thay thế một số cây già cỗi cho năng suất thấp nên chặt phá và trồng những cây trồng khác; Diện tích nhóm cây ăn quả đạt 5.950 ha, chiếm 50,3%, tăng 1,4%, trong đó: Diện tích cây nho đạt 1.249 ha, tăng 2,3%; diện tích cây táo đạt 1.017 ha, tăng 0,9%; diện tích cây xoài đạt 421 ha, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích điều hiện có 4.529 ha, tăng 6,1% so cùng kỳ năm 2017.

Nhìn chung sản xuất nông nghiệp năm 2018 trong bối cảnh có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen (vụ Đông xuân 2017-2018, vụ Hè thu và đầu vụ Mùa 2018 khô hạn thiếu nước tưới, cuối vụ Mùa 2018 lại xảy ra lũ lớn,...), nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, sự đồng hành của doanh nghiệp, sự nỗ lực của nhân dân, sản xuất nông nghiệp năm 2018 đạt một số kết quả rõ nét như: Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các loại cây trồng phù hợp, tiết kiệm nước, có hiệu quả theo hướng phát triển bền vững, ổn định lâu dài được các địa phương quan tâm triển khai đạt kết quả; mỗi liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp với các hộ dân thông qua HTX, THT,... trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tiếp tục được duy trì, mở rộng và ngày càng bền vững; đã triển khai nhân rộng 14 cánh đồng lớn với diện tích trên 1.300 ha, dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát chặt chẽ, giá cả tiêu thụ nông sản được đảm bảo, chất lượng giống cây trồng từng bước đã được nông dân quan tâm đưa vào sản xuất đạt năng suất và chất lượng cao.

Phát triển chăn nuôi của tỉnh trong năm đảm bảo an toàn dịch bệnh và hiệu quả. Ngay từ đầu năm 2018, các ngành chức năng đã có quy hoạch phát triển đàn gia súc tỉnh nhà phù hợp điều kiện tình hình của tỉnh, cơ cấu tổng đàn vật nuôi phát triển dần phù hợp, cộng thêm giá cả thực tế tăng đối với các sản phẩm chăn nuôi, nhất là dê, cừu nên giá trị ngành chăn nuôi có sự chuyển dịch đáng kể, các trang trại, gia trại có lãi và tiếp tục phát triển đàn.

Kinh tế tư nhân phát triển sâu về công nghệ khép kín, quy mô được mở rộng và số lượng đạt 60 trang trại. Đặc biệt đã hình thành chuỗi liên kết chăn nuôi heo với Công ty CP đầu tư 45 trang trại (trong đó có 01 trang trại heo và

01 trang trại gà công nghệ lạnh), chuỗi dê, cừu Triệu Tín; các trang trại chăn nuôi gia súc có sừng hầu hết đều chủ động trồng cỏ; áp dụng các dịch vụ kỹ thuật về thú y, chuồng trại, thức ăn tinh trong chăn nuôi, ngăn chặn có hiệu quả các đợt dịch bệnh gia súc, gia cầm, công tác tiêm phòng ngày càng chủ động đạt tỷ lệ 80%-85% mỗi loại bệnh cho tổng đàn gia súc có sừng và với hiệu quả kinh tế đạt khá, các trang trại, gia trại đang phục hồi đàn.

Theo kết quả điều tra thời điểm 1/10/2018: Tổng đàn trâu có 3.845 con, giảm 0,4% so cùng kỳ năm trước; Đàn bò hiện có 120 nghìn con, tăng 6,7%; Đàn heo hiện có 90,3 nghìn con, giảm 2%; Đàn cừu hiện có 142 nghìn con, giảm 11,8% và đàn dê hiện có 135,2 nghìn con, giảm 2%; Chất lượng đàn gia súc ngày càng được cải thiện với việc tuyển, nhập một số giống mới, tỷ lệ sinh hóa đàn bò đạt 41% tổng đàn, tỷ lệ dê cừu lai đạt gần 90%. Tổng đàn gia cầm hiện có 1.549,1 nghìn con, tăng 5,6% so cùng kỳ, trong đó đàn gà 937,8 nghìn con, tăng 11,4%, đàn vịt, ngan, ngỗng 611,3 nghìn con, giảm 2,2%.

Tình hình lâm nghiệp tỉnh Ninh Thuận chủ yếu vẫn tập trung vào công tác trồng, chăm sóc, phục hồi, tái sinh và bảo vệ rừng... gắn với cải thiện môi trường nhằm góp phần tạo hệ sinh thái cân bằng, ổn định và bền vững lâu dài. Tổng số diện tích rừng trồng tập trung đạt 277 ha, giảm 44,6% so với cùng kỳ, trong đó: diện tích rừng sản xuất trồng mới đạt 65 ha, rừng phòng hộ trồng mới đạt 212 ha. Diện tích rừng trồng giảm là do năm 2018 các công ty tư nhân không tham gia trồng rừng. Trồng cây phân tán đạt 2,61 nghìn ha. Sản lượng khai thác gỗ năm 2018 khu vực cá thể ước đạt 2.214m<sup>3</sup>, giảm 51% so với cùng kỳ, chủ yếu là khai thác rừng trồng các năm trước.

Tổng sản lượng thủy sản năm 2018 đạt 117,99 nghìn tấn, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2017; Sản lượng khai thác biển năm nay thời tiết ngư trường thuận lợi, đạt 107,8 nghìn tấn, tăng 8,9%. Năm 2018 tàu thuyền được sắm mới và cải hoán công suất lớn ra khơi, đánh bắt xa bờ dài ngày, khai thác biển chủ lực như nghề lưới vây, pha xúc... Đồng thời vụ cá Nam kéo dài đàn cá xuất hiện nhiều ở các tỉnh bạn, do đó sản lượng khai thác thủy sản đạt cao so cùng kỳ. Đối với sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 10,19 nghìn tấn, tăng 7,3%; Nguyên nhân tăng do tình hình thời tiết thuận lợi, dịch bệnh tuy có xảy ra, nhưng không đáng kể và cứu chữa kịp thời nhất là bệnh trên tôm và năng suất

đạt cao so cùng kỳ; Diện tích tôm thả nuôi đạt 944,2 ha, tăng 1,9% so với năm 2017, sản lượng đạt 7,63 nghìn tấn, tăng 1,9%.

Sản xuất tôm giống tăng mạnh nhất là tôm thẻ do thị trường tiêu thụ tăng nhưng từ tháng 01 đến tháng 9 chủ yếu các tỉnh miền tây Nam bộ chưa bị lũ nên tiêu thụ mạnh, đồng thời vì giống tôm tỉnh ta có thương hiệu, không bị dịch bệnh, kiểm dịch tốt, nhưng các tháng cuối năm do tình hình mưa lũ các tỉnh miền tây Nam bộ nên tiêu thụ chậm lại so với các tháng trước; Ước sản lượng đạt 31 tỷ con, tăng 14,2% so với cùng kỳ, trong đó: tôm thẻ giống đạt 25 tỷ con, tăng 14%; tôm sú đạt 6 tỷ con, tăng 14,9% so cùng kỳ.

### **- Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh dự tính cả năm 2018 có chỉ số tăng 9,73% so cùng kỳ 2017 (chỉ số sản xuất cùng kỳ năm trước tăng 5,79%). Các sản phẩm chủ yếu như: muối biển, tôm đông lạnh, nước yến, thạch nha đam, may mặc, ... có chỉ số sản xuất tăng nhiều so với cùng kỳ, tác động chỉ số sản xuất chung toàn ngành tăng trưởng đạt khá so với cùng kỳ.

+ Công nghiệp khai khoáng: chiếm tỷ trọng 15,6% (cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành), chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng cả năm ước tăng 31,3% so cùng kỳ; trong đó, chủ yếu do ngành khai thác muối biển tăng cao (hơn 2,4 lần) so cùng kỳ năm trước, ngược lại hoạt động khai thác đá xây dựng có sự giảm sút nhiều, chỉ đạt 73,8% cùng kỳ.

+ Công nghiệp chế biến, chế tạo: chiếm tỷ trọng 61,8% (cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành), chỉ số sản xuất ước cả năm tăng 11,55% so cùng kỳ. Trong đó: Sản xuất chế biến thực phẩm, tăng 16,8%, bao gồm các ngành: chế biến thủy sản (tôm đông lạnh) tăng 20,4%; chế biến rau quả (nhân điều) tăng 5,9%; sản xuất tinh bột (tinh bột sắn) giảm 32,6%; sản xuất đường (rs) tăng 20,3%; chế biến thạch nha đam tăng 71,6%; chế biến muối thực phẩm chỉ tăng 1,5% cùng kỳ. Sản xuất đồ uống dự tính tăng 7,37% so cùng kỳ, trong đó sản xuất bia đóng lon ước tăng 5,6%; đồ uống không cồn khác, nước bổ dưỡng từ yến tăng 24,4%. Sản xuất vật liệu xây dựng ước tăng 0,32% so cùng kỳ, trong đó: sản xuất xi măng giảm 6,8%; sản xuất gạch đất nung giảm 10%; sản xuất đá granite ước tăng 7,48%. Ngành dệt (SX khăn bông, sợi) ước tăng 16,5%. Ngành sản xuất trang phục ước tăng 26,8% so cùng kỳ.

+ Công nghiệp sản xuất và phân phối điện... : chiếm tỷ trọng 16,2% (cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành), chỉ số sản xuất dự ước cả năm giảm 4,65%. Trong đó, sản xuất điện giảm 12,6%; phân phối điện tăng 12,1% so cùng kỳ.

+ Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác ...: chiếm tỷ trọng 6,4% (cơ cấu giá trị tăng thêm toàn ngành), chỉ số sản xuất dự ước tăng 8,99% so cùng kỳ; trong đó hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 9,52% cùng kỳ; xử lý và thu gom rác thải tăng 7,38% so cùng kỳ.

#### **- Hoạt động dịch vụ**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 ước đạt 19.992,9 tỷ đồng, tăng 13,8% so với năm 2017. Xét theo ngành kinh doanh, bán lẻ hàng hóa đạt 15.291,5 tỷ đồng, chiếm 76,48% và tăng 13,5%; Dịch vụ lưu trú ăn uống đạt 2.967,4 tỷ đồng, chiếm 14,84% và tăng 15,2%; Dịch vụ và du lịch đạt 1.734 tỷ đồng, chiếm 8,68% và tăng 13,8% so cùng kỳ.

Tính đến thời điểm 31/12/2018 toàn tỉnh có 101 chợ được xếp hạng, 6 siêu thị và 1 trung tâm thương mại.

Năm 2018, số lượt khách du lịch nội địa do các cơ sở lưu trú phục vụ 1.740,8 nghìn lượt người, tăng 11,2% so với năm trước; doanh thu đạt 2.967,4 tỷ đồng, tăng 15,2%.

Lĩnh vực thương mại, du lịch tiếp tục có chuyển biến tích cực, các doanh nghiệp lĩnh vực thương mại đã đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi, tích cực hưởng ứng chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn”, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân vùng sâu, vùng xa, hoạt động dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong năm 2018 phát triển tương đối mạnh, trong đó khu vực du lịch, dịch vụ phát triển khá, nhu cầu vui chơi, tham quan, giải trí và khách du lịch tăng lên trong những ngày có tết dương lịch, tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và các ngày Lễ.

Doanh thu vận tải ước đạt 1.200,1 tỷ đồng, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó doanh thu vận tải hàng hóa đạt 783,5 tỷ đồng, tăng 13,9% và doanh thu vận tải hành khách đạt 356 tỷ đồng, tăng 14,8%.

Vận chuyển hành khách đạt 6.704 nghìn hành khách, tăng 14,2%; luân chuyển hành khách đạt 524,8 triệu hk.km, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2017.

Vận chuyển hàng hóa đạt 7.050 nghìn tấn hàng hóa, tăng 12,9%; luân chuyển hàng hóa đạt 526,1 triệu tấn.km, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Tình hình hoạt động vận tải năm 2018 đáp ứng nhu cầu đi lại, tham quan của nhân dân cũng như vận chuyển hàng hóa trong sản xuất kinh doanh.

## **7. Một số vấn đề xã hội**

### ***- Dân số, lao động, việc làm***

Dân số trung bình năm 2018 đạt 611,77 nghìn người, tăng 4.786 người, tương đương tăng 0,79% so với năm 2017, bao gồm dân số thành thị 221,51 nghìn người, chiếm 36,2%; dân số nông thôn 390,26 nghìn người, chiếm 63,8%; dân số nam 308,56 nghìn người, chiếm 50,44%; dân số nữ 303,21 nghìn người, chiếm 49,56%; tỉ lệ tăng tự nhiên 9,09‰; tỷ suất sinh thô 14,84‰; tỉ suất chết thô 5,75‰.

Tổng tỷ suất sinh năm 2018 đạt 2,05 con/phụ nữ, tiếp tục duy trì ở mức sinh thay thế. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi là 15,7‰. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 23,7‰. Tuổi thọ trung bình của dân số cả tỉnh năm 2018 là 72,93 năm, trong đó nam là 70,33 năm và nữ là 75,69 năm.

Năm 2018, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh đạt 356,3 nghìn người, tăng 3,8 nghìn người so với năm 2017, trong đó lao động nam chiếm 53,8%; lao động nữ chiếm 46,2%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 33,7%; lực lượng lao động ở nông thôn chiếm 66,3%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2018 đạt 345,6 nghìn người, tăng 2,6 nghìn người so với năm 2017, trong đó: Lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 149,7 nghìn người, chiếm 43,3% tổng số lao động đang làm việc của tỉnh; khu vực công nghiệp và xây dựng 66,6 nghìn người, chiếm 19,3%; khu vực dịch vụ 129,3 nghìn người, chiếm 37,4%.

Năm 2018, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 18,8% (cao nhất từ trước đến nay), trong đó lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 32%; khu vực nông thôn đạt 12,3%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2018 là 3,26%, trong đó khu vực thành thị 5,15%; khu vực nông thôn 2,29%. Tỷ lệ



thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3%, trong đó khu vực thành thị 1,4%; khu vực nông thôn 3,8%.

#### ***- Đời sống dân cư***

Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành đạt 2.664 nghìn đồng, tăng 12,3% so với năm 2016. Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo năm 2018 là 8,34%, giảm 2,03% so năm 2017.

Năm 2018, là năm tình hình thời tiết diễn ra trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có sự khác biệt so với những năm gần đây. Các tháng mùa khô xảy ra nắng nóng hạn hán trên diện rộng; các tháng mùa mưa có nhiều đợt mưa, mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to, trong đó tỉnh Ninh Thuận chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 8, số 9 kết hợp với gió đông trên cao gây ra mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to trên diện rộng đã làm ngập lụt, nước ngập làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và hư hỏng tài sản của Nhà nước và nhân dân. Theo số liệu, mưa lũ làm nhà bị sập, sạt vách, hư hỏng, tốc mái: 72 cái; diện tích cây trồng bị ngập, thiệt hại 5.200,78 ha (lúa: 3.160,14 ha; hoa màu, rau màu: 1.121,15 ha; cây trồng lâu năm: 177,45 ha; cây trồng hàng năm: 219,75 ha; cây ăn quả: 490,8 ha, đất bị xói lở, vùi lấp: 31,51 ha); Gia súc, gia cầm bị chết và cuốn trôi: 90.987 con (trâu, bò: 18 con; dê, cừu: 255 con; heo: 88 con; gà, vịt: 90.626 con); Diện tích tôm nuôi bị thiệt hại 64,4 ha; Đường giao thông địa phương bị sạt lở, hư hỏng 6,6km, đường sắt bị hư hỏng 200m,...; Ước tổng giá trị thiệt hại do bão lũ gây ra năm 2018 là 486,8 tỷ đồng. Trong các tháng mùa khô khu vực tỉnh có mưa nhưng lượng mưa không đáng kể đã làm cho lượng nước ở các sông suối, ao hồ đều cạn kiệt. Tình hình thiếu nước thiệt hại do hạn hán về sản xuất nông nghiệp như sau: Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại: 4.443,4 ha (lúa: 55,1 ha; hoa màu, rau màu: 2.993,3 ha; cây trồng hàng năm: 1.935 ha). Gia súc chết: 183 con (trâu, bò: 11 con và dê, cừu: 172 con). Ước tổng giá trị thiệt hại sản xuất nông nghiệp năm 2018 do hạn hán là 226,2 tỷ đồng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018 là 713 tỷ đồng.

#### ***- Trật tự và an toàn xã hội***

Tính chung 12 tháng năm 2018 (Từ ngày 16/11/2017 đến ngày 15/12/2018 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận) (tính cả đường sắt 03 vụ và 01 người

chết) xảy ra 67 vụ tai nạn giao thông làm chết 63 người, số người bị thương 50 người. So cùng kỳ năm 2017 tăng cả 3 tiêu chí; số vụ tăng 10 vụ, số người chết tăng 02 người và số người bị thương tăng 24 người.

Năm 2018 xảy ra 16 vụ cháy, bằng cùng kỳ, không có thương vong, (năm trước có 01 người chết và bị thương 03 người), thiệt hại tài sản 3,4 tỷ đồng; Vụ nổ không xảy ra.

**Tóm lại:** Kinh tế - xã hội năm 2018 trên địa bàn tỉnh mặc dù trong bối cảnh có không ít khó khăn, tốc độ tăng trưởng 8,03% tuy không đạt kế hoạch đề ra (9-10%); 6 tháng đầu năm 2018 tốc độ tăng trưởng có cao hơn so với 6 tháng cuối năm 2018 (6 tháng đầu năm 2018 tăng 9,86%, 6 tháng cuối năm 2018 tăng 6,48%). Nhưng nhìn chung kinh tế của tỉnh ở các khu vực có sự tăng trưởng đồng đều: Khu vực I tăng 5,60%, khu vực II tăng 14,71%, khu vực III tăng 7,20% và Thuế sản phẩm tăng 5,59%; Sản xuất Nông nghiệp, thủy sản tăng trưởng khá; Công nghiệp, xây dựng tăng cao, nhất là ngành khai khoáng tăng (+33,12%); Năm 2018 hầu hết các ngành, các lĩnh vực đều có tăng trưởng cao hơn năm 2017; Tuy nhiên, ở một số lĩnh vực có sự tăng trưởng chưa đạt được kỳ vọng đề ra và chưa đáp ứng kế hoạch như: Công nghiệp chỉ tăng 12,02% (kế hoạch tăng 16~17%), thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng khá nhanh, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo. Hoạt động kinh doanh thương mại, lưu thông hàng hóa được tổ chức thông suốt, nguồn cung hàng hóa dồi dào, cân đối cung cầu trên thị trường được giữ vững, giá cả hợp lý. Các chủ trương, giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Vị thế của tỉnh được nâng lên, tạo được diện mạo mới, sức bật mới nhất là các khâu đột phá về năng lượng tái tạo, kinh tế biển... Trong lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ, các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ kịp thời, đúng đối tượng, công tác chăm lo cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách trong dịp tết Nguyên đán được quan tâm thực hiện tốt hơn, qui mô giáo dục được duy trì và chất lượng giáo dục được nâng lên; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được đảm bảo, vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường; an ninh, chính trị được giữ vững./.